

Bản án số: 526/2026/DS-ST

Ngày: 20-3-2026

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 497/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Minh V, năm sinh 1974; Căn cước công dân số: 072174003325 và bà Lê Thị Lan H, năm sinh 1974; Căn cước công dân số: 072174003325; Cùng địa chỉ thường trú: B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Đặng Xuân Đ, năm sinh 2000; Căn cước công dân số: 079300003022 và bà Nguyễn Thị Bảo N, năm sinh 1997; Căn cước công dân số: 093197008563; Cùng địa chỉ liên hệ: Số D đường B, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền

theo giấy ủy quyền ngày 28 tháng 4 năm 2025 và ngày 22 tháng 7 năm 2025. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T1 (tên cũ Công ty TNHH T1); Trụ sở: Số A đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, năm sinh 1992; Căn cước công dân số: 092092004445; Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ; Địa chỉ liên lạc: Số A đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Hữu N1, năm sinh 1994; Căn cước công dân số: 072094005095; Địa chỉ thường trú: B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Đăng Xuân Đ, năm sinh 2000; Căn cước công dân số: 079300003022 và bà Nguyễn Thị Bảo N, năm sinh 1997; Căn cước công dân số: 093197008563; Cùng địa chỉ liên hệ: Số D đường B, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 22 tháng 7 năm 2025. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của ông Phan Minh V và bà Lê Thị Lan H trình bày: Ngày 17 tháng 6 năm 2021, vợ chồng ông Phan Minh V (viết tắt ông V) và bà Lê Thị Lan H (viết tắt bà H) ký hợp đồng tư vấn du học số 80/2021/HĐTV/HANAG với Công ty TNHH T1 nay được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần T1 (viết tắt Công ty), theo đó Công ty T2 được cấp bởi chính phủ Hàn Quốc cho học sinh và hỗ trợ đào tạo tiếng Hàn cũng như hỗ trợ thủ tục ký túc xá, dịch thuật, hồ sơ...hoàn thiện hồ sơ cần thiết theo quy định để xin visa du học cho con ông V và bà H là ông Phan Hữu N1 (viết tắt ông N1) với tổng số tiền 268.000.000 đồng. Sau khi ông V, bà H thanh toán tiền thì Công ty không thực hiện được những nội dung đã cam kết. Ngày 22 tháng 01 năm 2024, Công ty lập bản hạch toán hồ sơ du học sau khi trừ các chi phí đào tạo, dịch thuật tiếng Hàn Quốc là 69.080.000 đồng và Công ty sẽ hoàn trả cho ông V, bà H số tiền 198.920.000 đồng nhưng Công ty không thực hiện. Vì vậy ông V và bà H khởi kiện yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền 198.920.000 đồng và trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Công ty Cổ phần T1 vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hữu N1 (viết tắt ông N1) trình bày: Ông là con của ông V và bà H và ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông V và bà H.

Tại phiên tòa,

Bà Huỳnh Đăng Xuân Đ và bà Nguyễn Thị Bảo N là người đại diện theo ủy quyền của ông V và bà H xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông N1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông V và bà H.

Công ty Cổ phần T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông V và bà H là có cơ sở và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V và bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông V và bà H yêu cầu Công ty hoàn trả tiền theo hợp đồng tư vấn du học số 50/2021/HĐTV-HNAG ngày 17 tháng 6 năm 2021. Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần T1, mã số doanh nghiệp: 0315440117 đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 24 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp thể hiện Công ty có trụ sở chính tại địa chỉ: số A đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét Công ty đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt

Công ty là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng tư vấn du học số 50/2021/HĐTV-HNAG ngày 17 tháng 6 năm 2021 và bảng hạch toán hồ sơ du học ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa ông V, bà H với Công ty thể hiện tại thời điểm giao kết các chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 119 Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền nợ vốn: Xét hợp đồng tư vấn du học số 50/2021/HĐTV-HNAG ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa ông V, bà H với Công ty và theo thỏa thuận Công ty tư vấn thủ tục du học cho ông N1 với số tiền 268.000.000 đồng nhưng do Công ty không thực hiện được những nội dung đã cam kết nên ngày 22 tháng 01 năm 2024, hai bên lập bản hạch toán hồ sơ du học sau khi trừ các chi phí thì Công ty sẽ hoàn trả số tiền 198.920.000 đồng thì ông V và bà H cũng đồng ý nhưng Công ty đã không thực hiện theo cam kết. Do đó ông V và bà H yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền 198.920.000 đồng là có cơ sở.

[2.3] Về thời hạn trả nợ: Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V và bà H nên ông V và bà H yêu cầu Công ty hoàn trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[2.4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty phải trả cho ông V và bà H số tiền 198.920.000 đồng nên Công ty phải chịu án phí là 9.946.000 đồng theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông V và bà H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 4.973.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật phí và Lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh V và bà Lê Thị Lan H.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần T1 (tên cũ Công ty TNHH T1) hoàn trả cho ông Phan Minh V và bà Lê Thị Lan H số tiền 198.920.000 (Một trăm chín tám triệu, chín trăm hai mươi nghìn) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần T1 (tên cũ Công ty TNHH T1) phải chịu số tiền 9.946.000 (Chín triệu, chín trăm bốn sáu nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho ông Phan Minh V và bà Lê Thị Lan H số tiền 4.973.000 (Bốn triệu, chín trăm bảy ba nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0080956 ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Thi hành án dân sự Thành phố H (khu vực 4).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Ông Phan Minh V, bà Lê Thị Lan H và ông Phan Hữu N1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần T1 (tên cũ Công ty TNHH T1) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (khu vực 4);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**

Võ Tuấn Nhu